

Hình 1: Sơ đồ lớp khuyến mãi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | KhuyenMai | | Mã số: CLS\_01 |
| Tham chiếu: [UCCN-06] [UCNV-02] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin đối tác | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ID\_KM | Mã khuyến mãi | |
| NgayBatDau | Ngày bắt đầu kích hoạt KM | |
| NgayKetThuc | Ngày kết thúc KM | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có | Không có | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| CT\_KhuyenMai | Một khuyến mãi có thể có nhiều chi tiết khuyến mãi | |
| CT\_KM | Một khuyến mãi có thể có nhiều chi tiết yêu cầu khuyến mãi. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | CT\_KhuyenMai | | Mã số: CLS\_02 |
| Tham chiếu: [UCCN-06] [UCNV-06] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin nhà phân phối | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| SoLuongSP | Số lượng sản phẩm yêu cầu để đạt KM | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có | Không có | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| KhuyenMai | Một chi tiết khuyến mãi thuộc một khuyến mãi nào đó. | |
| SanPham | Một chi tiết khuyến mãi chỉ sơ hữu một yêu cầu sản phẩm. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | QuaTang | | Mã số: CLS\_03 |
| Tham chiếu: [UCCN-06] [UCNV-08] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin hợp đồng | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ID\_HopDong | Mã hợp đồng | |
| GiaTriDonHangNhoNhat | Tổng giá trị phiếu đặt hàng nhỏ nhất để công ty đi giao hàng cho nhà phân phối | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có | Không có | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| CT\_KhuyenMai | Quà tặng chỉ thuộc một chi tiết khuyến mãi nào đó. | |
| SanPham | Quà tặng chỉ có một sản phẩm. | |